

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-PT
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyên.

Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lèo Thị P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản Đ, xã N, huyện M1, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: X1, xã C, huyện M1, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lèo Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M1, tỉnh Sơn La vào ngày 26/12/2014 và được hai bên gia đình

tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại bản H (nay là bản Đ), xã N, huyện M1. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau khi có con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1 vào năm 2015 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh M thường có thái độ cục cằn, gia trưởng, phân biệt đối xử giữa người dân tộc Kinh với người dân tộc Thái và luôn dùng vũ lực khi chị đưa ra quan điểm khác. Cụ thể:

Anh M đã đánh bố đẻ của chị chỉ vì không đồng ý cho bố chị được bế cháu. Tháng 12/2018, anh M đánh chị phải khâu 04 mũi ở đầu. Khi bị Công an xã N mời lên làm việc, anh M có hứa sẽ không đánh chị nữa nhưng chỉ được một thời gian ngắn, sau đó anh M lại tiếp tục đánh chị. Tháng 02/2020, anh M đã chém chị phải nhập viện và bị Công an huyện M1 tạm giữ 03 ngày. Đến cuối tháng 02/2020 thì chị và anh M sống ly thân, anh M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện M1. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 20/4/2015. Từ khi sống ly thân, anh M đã tự ý đưa cháu H1 về ở nhà bố mẹ đẻ tại X1, xã C, huyện M1 và nhập khẩu cho cháu H1 vào chung với anh M, không cho chị được thăm nom hay đón cháu. Nguyên vọng của chị là sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 cho tới khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Lèo Thị P tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M1, tỉnh Sơn La vào ngày 26/12/2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về cư trú tại bản Đ, xã N, huyện M1. Đến đầu năm 2020, do làm ăn ở trong N khó khăn, vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi nhau nên anh không muốn ở trên đất của nhà vợ và đã về ở tại nhà bố mẹ đẻ ở X1, xã C, huyện M1. Sau đó, anh vào B mở cửa hàng sửa chữa xe máy để sinh sống. Nay chị P có đơn xin ly hôn, bản thân anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị P kiên quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 20/4/2015. Khi anh chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã C thì có đưa cháu H1 theo, chị P thỉnh thoảng có qua lại đón cháu. Nếu phải ly hôn, anh cũng mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định anh và chị P không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2020/HNGĐ-ST ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lèo Thị P ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Chị P, anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 20/4/2015. Giao cháu H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M không phải cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị P do chị P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh M đều thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004230 ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/8/2020, anh Nguyễn Văn M kháng cáo không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị Lèo Thị P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh chị là cháu Nguyễn Thị Thu H1.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn M nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho chị P được ly hôn với anh; xác nhận giữa anh và chị P không có tài sản chung và không có nợ chung. Đối với việc nuôi con chung, anh M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét anh và gia đình có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H1. Hơn nữa, chị P đang công tác tại Nhà máy Xi măng M1 nên thời gian chăm sóc cháu H1 không thuận lợi như gia đình anh. Do đó, anh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và giao cháu H1 cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Lèo Thị P không nhất trí với nội dung kháng cáo của anh M và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử chấp nhận về hình thức nhưng không chấp nhận về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2020/HNGĐ-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Sơn La. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020, chị Lèo Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M và giao cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H1 là con chung của chị và anh M. Xét bị đơn anh Nguyễn Văn M cư trú tại huyện M1, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện M1 thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo đơn khởi kiện của chị P là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm:

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 28/6/2020, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 98/TB-TA và giấy triệu tập để thông báo và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/7/2020. Thông báo và giấy triệu tập nêu trên được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt trực tiếp, hợp lệ cho anh M vào ngày 01/7/2020. Tuy nhiên, tại phiên họp ngày 03/7/2020, anh M không có mặt. Nguyên đơn chị Lèo Thị P có mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được và chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời có Thông báo số 98/TB-TA ngày 03/7/2020 để thông báo kết quả phiên họp cho anh M biết mà không tiến hành hòa giải là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn của Tòa án cấp sơ thẩm:

Ngày 06/7/2020, Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ và giấy triệu tập để triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 22/7/2020. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã đến gia đình ông Nguyễn Văn T (Bố đẻ của anh M) để giao các văn bản tố

tụng nêu trên vào ngày 08/7/2020 nhưng anh M và gia đình không hợp tác, không nhận các văn bản tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng có xác nhận của tiểu khu và chính quyền địa phương, đồng thời tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 22/7/2020, do anh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 29/7/2020. Quyết định hoãn phiên tòa và thủ tục triệu tập lại được Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh M tại cửa hàng sửa xe máy của anh M nhưng anh M không ký biên bản giao nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng có xác nhận của tiểu khu và chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa ngày 29/7/2020, do anh M không có mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.4] Về việc giao bản án cho bị đơn vắng mặt:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao bản án sơ thẩm cho anh M tại cửa hàng sửa xe máy của anh M nhưng anh M không ký biên bản giao nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận bản án có xác nhận của tiểu khu và chính quyền địa phương. Đến ngày 21/8/2020, anh M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo thể hiện anh M được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập 02 lần nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh M đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng và bản án sơ thẩm nên quyền và lợi ích hợp pháp của anh M tại cấp sơ thẩm không bị xâm phạm.

[2] Xem xét đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn M:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn M trong hạn luật định và anh M đã nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo về việc xin nuôi con, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Anh Nguyễn Văn M và chị Lèo Thị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 20/4/2015. Anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thì anh M và chị P đều có nguyện vọng nuôi con và đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, chị P hiện đang làm công nhân tại Công ty cổ phần Xi măng M1, đi làm gần nhà, có thu nhập ổn định, được chứng minh bằng bảng thanh toán tiền lương của Công ty cổ phần Xi măng M1 và lời thừa nhận của anh M tại phiên tòa phúc thẩm. Hơn nữa, cháu H1 đang còn nhỏ (mới 05 tuổi) và là con gái nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để ổn định tâm lý và cuộc sống là

có căn cứ.

Đối với anh M, mặc dù anh M cho rằng anh là thợ sửa xe máy, có thu nhập ổn định (từ 6.000.000 - 7.000.000đ/ tháng) nên có đủ điều kiện kinh tế và có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm và lời khai của anh M tại phiên tòa phúc thẩm thì chưa có đủ cơ sở để xác định anh M có thu nhập ổn định. Hơn nữa, anh M là người nóng tính, hay sử dụng bạo lực thể hiện qua việc thường xuyên đánh đập chị P trong thời gian chung sống; tháng 3/2020 bị Công an huyện M1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình; năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện M1 xét xử về tội Cố ý gây thương tích. Những hành vi nêu trên của anh M có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu H1.

Đối với việc bố mẹ đẻ của anh M là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D cũng tha thiết được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1: Xét thấy bố mẹ anh M là người cao tuổi nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 sẽ phần nào bị hạn chế.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H1 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, anh M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nên kháng cáo của anh M là không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trường hợp nếu chị P chăm sóc cháu H1 không tốt và có căn cứ để yêu cầu thay đổi nuôi con thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm giải quyết về quan hệ hôn nhân và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Sơn La như sau:

1. Giao cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Lèo Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành

niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu H1 cùng chị P và được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000160 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M1;
- Chi cục THADS huyện M1;
- Người kháng cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam